

Bản án số 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày 27/3/2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Chiến.

2. Ông Nguyễn Thế Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 27/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn L sinh năm 1989; địa chỉ xóm 8, thôn X, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Chị Phan Thị H sinh năm 1990; hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay xóm 6, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị H: Ông Phan Văn T sinh năm 1966, địa chỉ xóm 6, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; là bố đẻ chị H, đại diện theo quyết định chỉ định người đại diện trong tố tụng dân sự số 01/2018/QĐ-CĐNDD ngày 04/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 04/01/2018 được bổ sung tại biên bản tự khai ngày 16/01/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn là anh L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị H kết hôn với nhau là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K ngày 10/11/2014, tại thời điểm kết hôn chị H là người bình thường, không có biểu hiện của bệnh tâm thần. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp. Trước khi sinh con chị H đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ

để ở, thời điểm đó do chị H đang mang thai nên gia đình có khuyên anh L ra tìm chị H về, anh L đã ra tìm chị H và bảo chị H về xin lỗi bố mẹ để anh L để vợ chồng chung sống với nhau, chị H đã về nhà nhưng chị H không xin lỗi bố mẹ anh L, sau đó vợ chồng chỉ về ở với nhau được vài ngày thì chị H lại bỏ về nhà bố mẹ để ở. Đến thời điểm chị H sinh con, anh L đã đưa chị H đi Bệnh viện để sinh con, sau khi sinh con gia đình anh L đã đưa cả hai mẹ con chị H về nhà anh L để ở, nhưng chỉ ở được vài ngày chị H lại tiếp tục gây mâu thuẫn với mẹ chồng và chị H lại tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở, còn con thì vẫn ở với anh L, đến tối thì gia đình chị H ra nhà anh L xin cháu về với chị H và vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 7/2015 cho đến nay. Đến khoảng năm 2016 chị H có biểu hiện của bệnh tâm thần, gia đình chị H đã đưa chị H đi chữa trị tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Ninh Bình; theo hồ sơ bệnh án chị H hiện nay bị bệnh tâm thần, vì lý do trên và do tình cảm vợ chồng không còn, chị H lại mắc bệnh tâm thần nên cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa, nên anh L xin được ly hôn với chị H.

- Về con: Vợ chồng anh L chị H có 01 con chung là cháu Phạm Thị Trà M sinh ngày 04/6/2015, cháu M hiện nay đang sống với chị H và do ông bà ngoại nuôi dưỡng, nên anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng anh L chị H không có tài sản chung và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về phía chị H và người đại diện hợp pháp của chị H là ông T, Tòa án đã triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhiều lần nhưng chị H và ông T đều không đến Tòa án làm việc, nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật; nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, bị đơn và người đại diện hợp pháp cho bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Xử cho anh L và chị H ly hôn; buộc anh L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Anh L khởi kiện xin ly hôn đối với chị H, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc khởi kiện của anh L là đúng pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn xin xác nhận của anh L ngày 04/12/2017 có xác nhận của Công an xã K, thể hiện chị H có hộ khẩu thường trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình và đang sinh sống tại xóm 6, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về năng lực hành vi của bị đơn: Theo chứng cứ do anh L cung cấp là bản sao hồ sơ bệnh án của chị H, do Bệnh viện tâm thần tỉnh Ninh Bình cấp, thể hiện chị H vào điều trị bệnh tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Ninh Bình từ ngày 12/5/2016 đến ngày 12/7/2016 với bệnh chính là “Rối loạn cảm xúc lưỡng cực hiện tại giai đoạn hưng cảm không có triệu chứng loạn thần”; tại bản sao giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân xã K cấp cho chị H ngày 28/5/2017, thể hiện dạng khuyết tật của chị H là “Thần kinh tâm thần mức độ nặng”. Tòa án đã giải thích để cho anh L thực hiện quyền yêu cầu tuyên bố chị H mất năng lực hành vi dân sự, nhưng anh L không yêu cầu với lý do gia đình chị H không hợp tác nên anh L không thể đưa chị H đi giám định được. Đối với chị H và người đại diện hợp pháp cho chị H là ông T, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và thông báo nhiều lần nhưng cả chị H và ông T đều không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án không thể giải thích được cho ông T về quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố chị H mất năng lực hành vi dân sự. Do đương sự không có yêu cầu, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào Điều 88 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ra quyết định chỉ định ông T (là bố đẻ chị H) là người đại diện cho chị H tham gia tố tụng, để bảo vệ quyền lợi cho chị H trong việc giải quyết ly hôn.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là chị H và người đại diện hợp pháp cho chị H là ông T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người đại diện hợp pháp cho bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về yêu cầu ly hôn:

Theo anh L khai, anh L và chị H kết hôn với nhau là do hai bên tự nguyện, tại thời điểm kết hôn chị H là người bình thường, không có dấu hiệu gì của bệnh tâm thần, việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã K và được Ủy ban nhân dân xã K cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/11/2014. Như vậy, theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, thì hôn nhân giữa anh L và chị H là hợp pháp.

Lý do ly hôn, theo anh L khai, sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, chị H đã nhiều lần tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở và từ tháng 7/2015 đến nay vợ chồng sống ly thân, hiện nay chị H lại bị mắc bệnh tâm thần, nên cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, nhưng cả chị H và người đại diện hợp pháp của chị H đều không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa, để bảo vệ quyền lợi cho chị H. Hiện nay theo bản sao giấy xác nhận khuyết tật của chị H do Ủy ban nhân dân xã K cấp, thể hiện chị H bị khuyết tật dạng “Thần kinh tâm thần mức độ nặng”.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh L, xử cho anh L và chị H ly hôn.

Về con chung: Do anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung khi ly hôn, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Theo anh L trình bày, vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì. Nếu chị H và người đại diện hợp pháp của chị H có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết thành vụ án riêng.

[3] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Anh L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên anh L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1 Về yêu cầu ly hôn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phạm Văn L, cho anh Phạm Văn L và chị Phan Thị H ly hôn; quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Phạm Văn L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001700 ngày 04/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, anh L đã nộp đủ án phí ly hôn.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người đại diện hợp pháp cho bị đơn là ông T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực